TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI XHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2023
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Nguyễn Thế Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, bà Hoàng Thị Thanh
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà:*** ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S – sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Bị đơn: Bà Lê Thị V– sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2023 và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trong quá trình giải quyết vụ án: Ông và bà Lê Thị V chung sống với nhau năm 1996, nhưng đăng kí kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 14/4/2011. Về tài sản chung: có nhà và đất; Về nợ chung: không. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ông làm đơn ly hôn với bà Lê Thị V là trong quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, sống nhưng không có tình cảm với nhau vợ chồng không tìm hiểu nhau trước khi cưới, kết hôn không phải vì có tình cảm yêu thương, khoảng 03 năm trở lại đây bà Việt và ông sống ly thân, bà Việt đi làm thuê lâu lâu mới về, cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Do đó, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Lê Thị V. Về con chung: ông

yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn K, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận.

Đối với bị đơn : Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị V nhưng bà Việt không tham gia tố tụng.

Theo lời trình bày của cháu Nguyễn Văn K trong quá trình giải quyết vụ án thì nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là ở với bố.

Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông thì ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị V không đề nghị hòa giải ở cơ sở nên thôn không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Lê Thị V

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 14/4/2011 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung: Không có

Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1 . Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Lê Thị V, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Lê Thị V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị V chung sống với nhau từ năm 1996, kết hôn với nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cả hai không có nhiều thời gian tìm hiểu nhau trước hôn nhân, do đó sau khi kết hôn cả hai bất đồng quan điểm sống, cả hai sống thiếu niềm tin và trách nhiệm, không có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình, cả hai đã sống ly thân 3 năm. Trong thời gian sống ly thân, các bên không tìm lại được tiếng nói chung, không có biện pháp để hàn gắn hôn nhân, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, hôn nhân không đạt được mục đích.

Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã triệu tập hợp lệ đối với bà Lê Thị V nhưng bà Việt không tham gia tố tụng, không đưa ra ý kiến để chứng minh cho yêu cầu của anh S là không có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, xử cho ông S được ly hôn với bà Lê Thị V là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 14/4/2011. Cháu Ki có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Xét thấy ông S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu trong thời gian ông và bà V sống ly thân, nên cần tiếp tục giao cháu K cho ông S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí DSST: Ông Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST theo quy định pháp luật.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Lê Thị V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn K sinh ngày 14/4/2011 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí DSST: Ông Nguyễn Văn S phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm về việc "Ly hôn" được khấu trừ vào 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009387 ngày 21/7/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đăk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ, huyện M
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng